TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 66/2019/HNGĐ-ST Ngày 23 - 5 - 2019 V/v: "Tranh chấp ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Thái Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân**:***

Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Nguyễn Văn Doanh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2019/TLST- HNGĐ ngày 27/2/2019 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đinh Đức V, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Đội 5, T, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Đội 5, Xóm L, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt ông V, bà T có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 27/3/2019, bản tự khai, nguyên đơn là ông Đinh Đức V trình bày:

Ông và bà T kết hôn tháng 12 năm 1983 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2007 xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2007 đến nay.

Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đinh Thị H, sinh ngày 10/10/1984 và Đinh Văn V sinh ngày 22/8/1986 hiện con chung của vợ chồng đã trưởng thành, tự lập ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bà Trần Thị T trình bày: Về thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân, con chung đúng như ông V đã khai, nay ông V xin ly hôn, bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể chung sống với nhau được nữa nên nhất trí ly hôn. Ngoài ra bà T có đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử khi các đương sự có đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Ông Đinh Đức V và bà Trần Thị T kết hôn tháng 12 năm 1983 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Nam Định. Đây là là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân từ năm 2007 đến nay. Nay ông V có đơn yêu cầu ly hôn.

Sau khi ông V có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của ông V cho bà T và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bà T đều nhận được nhưng không đến Tòa án đề hòa giải. Sau đó bà T có đến Tòa án để trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa nên nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa ông V và bà T đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2007, tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy quan hệ hôn nhân đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ được được nữa nên việc ông V xin ly hôn và bà T cũng nhất trí là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đinh Thị H, sinh ngày 10/10/1984 và Đinh Văn V sinh ngày 22/8/1986 hiện con chung của vợ chồng đã trưởng thành, tự lập. Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản, khoản nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng không thể hiện ông V, bà T có tài sản, khoản nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông V nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án :

1**.** Xử ly hôn giữa ông Đinh Đức V và bà Trần Thị T.

2. Án phí: Ông Đinh Đức V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự **.** Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông V đã nộp theo biên lai thu tiền số 04927 ngày 27/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Ông V đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đinh Đức V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Trần Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã L, huyện T;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà